

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 1968
	Giờ.....Ngày 13 tháng 04 năm 11

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch Công ty
Ông Lê Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Lê Vũ Hoàng	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên
Ông Dương Xuân Quang	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Hoài	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2010)
Ông Lê Lân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thạch	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Minh Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2011

Số: 343/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi:
Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và các công ty con (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 23. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ vấn đề trình bày ở đoạn bên dưới, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, một công ty con. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty con này.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, nếu chúng tôi thu thập được bằng chứng kiểm toán liên quan đến vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm tra việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được đề cập tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày này là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 8 tháng 4 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Tứ
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
				(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.838.895.822.534	706.693.128.841
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	544.598.549.464	201.794.435.381
1. Tiền	111		16.798.549.464	9.494.435.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		527.800.000.000	192.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.530.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		34.530.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		705.197.221.243	30.190.551.673
1. Phải thu khách hàng	131		538.134.373.499	11.893.865.497
2. Trả trước cho người bán	132		9.528.635.770	15.502.734.509
3. Các khoản phải thu khác	135	8	157.534.211.974	2.793.951.667
IV. Hàng tồn kho	140	9	516.043.136.345	390.191.897.810
1. Hàng tồn kho	141		516.043.136.345	390.191.897.810
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.526.915.482	34.516.243.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.874.541.986	185.549.977
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.057.541.418	32.704.086.798
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.594.832.078	1.626.607.202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		759.490.886.366	384.922.687.321
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.633.333.333	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	-
II. Tài sản cố định	220		428.496.672.915	171.315.497.783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	34.839.557.127	6.094.253.797
- Nguyên giá	222		39.436.615.813	7.858.499.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.597.058.686)	(1.764.245.272)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	74.027.752.303	1.024.000.000
- Nguyên giá	228		74.056.865.639	1.024.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.113.336)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	319.629.363.485	164.197.243.986
III. Bất động sản đầu tư	240	13	54.316.283.441	-
- Nguyên giá	241		54.530.921.417	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(214.637.976)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	166.149.150.203	212.805.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.899.150.203	157.325.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	40.480.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		26.250.000.000	15.000.000.000
V. Lợi thế thương mại	260	15	3.343.273.257	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		102.552.173.217	802.189.538
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		1.386.809.980	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		313.173.699	-
3. Tài sản dài hạn khác	278	16	100.852.189.538	802.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.598.386.708.900	1.091.615.816.162

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	
			31/12/2010	(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.255.060.797.970	105.442.903.614
I. Nợ ngắn hạn	310		922.139.832.487	105.093.903.614
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	341.500.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		156.900.924.458	7.032.147.705
3. Người mua trả tiền trước	313		4.024.779.640	71.576.416.579
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	77.474.303.000	2.906.680.918
5. Phải trả người lao động	315		3.084.028.524	1.826.316.978
6. Chi phí phải trả	316		125.444.537.923	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	213.640.558.942	20.864.749.234
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		70.700.000	887.592.200
II. Nợ dài hạn	330		332.920.965.483	349.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.299.180.987	349.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	331.621.784.496	-
B. NGUỒN VỐN	400		1.221.321.355.968	986.172.912.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.221.321.355.968	986.172.912.548
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	937.620.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.077.326.587	1.439.147.403
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.077.326.587	1.439.147.403
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		217.166.702.794	45.674.617.742
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	22	122.004.554.962	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		2.598.386.708.900	1.091.615.816.162



Bùi Minh Chính
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	
			2010	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		946.220.540.076	47.687.568.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(11.620.513.436)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	934.600.026.640	47.687.568.864
4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	24	(698.746.008.281)	(35.675.177.969)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		235.854.018.359	12.012.390.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	38.185.658.276	35.294.208.507
7. Chi phí tài chính	22		(7.732.185.458)	(590.958.904)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(7.732.185.458)	-
8. Chi phí bán hàng	24		(1.975.162.079)	(457.470.720)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(28.298.706.624)	(19.439.243.973)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		236.033.622.474	26.818.925.805
11. Thu nhập khác	31		1.072.116.346	20.740.543
12. Chi phí khác	32		(303.047.940)	(72.622.471)
13. Lợi nhuận khác	40		769.068.406	(51.881.928)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		236.802.690.880	26.767.043.877
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(61.129.745.981)	(2.679.637.173)
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		313.173.699	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		175.986.118.598	24.087.406.704
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Cổ đông thiểu số		22	942.482.452	-
- Cổ đông của Công ty			175.043.636.146	24.087.406.704
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.778	257



Bùi Minh Chính
Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	
		2010	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	236.802.690.880	26.767.043.877
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.093.318.036	1.164.769.394
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34.442.965.257)	(34.641.627.132)
Chi phí lãi vay	06	7.732.185.458	-
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	213.185.229.117	(6.709.813.861)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(659.697.466.134)	78.667.215.574
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(125.851.238.535)	30.712.882.828
Tăng các khoản phải trả	11	413.403.988.739	86.129.734.226
Tăng chi phí trả trước	12	(24.075.801.989)	(61.524.127)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.153.354.969)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.187.761.726)	(7.417.133.274)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	21.083.192.461	(3.635.858.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(176.293.213.036)	177.685.503.320
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(312.341.635.212)	(268.478.939.811)
2. Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các công ty khác	25	(175.190.000.000)	(196.455.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn	26	240.123.403.967	264.409.041.096
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.003.773.868	34.059.256.840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(216.404.457.377)	(166.465.641.875)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	62.380.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	807.821.784.496	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.700.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	735.501.784.496	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	342.804.114.083	11.219.861.445
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	201.794.435.381	190.574.573.936
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	544.598.549.464	201.794.435.381

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 5.339.517.446 đồng là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Minh Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và năm công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 121 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 98 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh và Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2009: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp 1.000.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2010 là 196.150.000.000 đồng tương đương với 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh với tổng vốn điều lệ 80 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900949861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỉ lệ vốn điều lệ góp của Công ty chiếm 50,1% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh tại số 50 - đường Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa tiến hành góp vốn và Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh chính thức tổ chức hoạt động vào ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Nha Trang, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3703000319 ngày 29 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi bổ sung. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 4200717899 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 10 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng là 300 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Nha Trang chiếm 54,12% vốn điều lệ, tương đương với quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đây là báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất vì chỉ có một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, chưa đi vào hoạt động.

Như đã nêu ở thuyết minh số 31 bên dưới, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, quyền kiểm soát của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng chỉ là tạm thời, do đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng. Ngoài ra, Công ty cũng không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh do công ty này mới được thành lập vào ngày 27 tháng 12 năm 2010 nên không có số liệu phát sinh.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của thông tư này, khoản mục Quỹ khen thưởng phúc lợi với số dư là 887.592.200 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại và trình bày tại chỉ tiêu Nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán để so sánh với số liệu trên báo cáo tài chính năm nay.

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

5. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu và giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản. Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi này nhằm mục đích để báo cáo tài chính cung cấp thông tin tin cậy và thích hợp hơn về tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 để điều chỉnh các ảnh hưởng liên quan đến những thay đổi trong chính sách kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”. Ngoài ra, một số số liệu liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của hai dự án Chung cư Petroland Quận 2 và Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng được phân loại lại để phù hợp với việc thay đổi phương án kinh doanh và việc so sánh với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Doanh thu gộp	5.422.909.090	47.687.568.864	42.264.659.774
Giá vốn hàng bán	(4.734.341.220)	(35.675.177.969)	(30.940.836.749)
Lợi nhuận sau thuế	12.763.583.679	24.087.406.704	11.323.823.025

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Phải thu khác	1.234.951.667	2.793.951.667	1.559.000.000
Hàng tồn kho	1.277.948.906	390.191.897.810	388.913.948.904
Đầu tư vào công ty con	158.884.000.000	157.325.000.000	(1.559.000.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	584.052.029.639	164.197.243.986	(419.854.785.653)
Người mua trả tiền trước	(113.841.076.353)	(71.576.416.579)	42.264.659.774
Lợi nhuận chưa phân phối	34.350.794.717	45.674.617.742	11.323.823.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án, các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án và giá trị bất động sản xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Phương tiện vận tải	4 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Các bất động sản đầu tư khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Handwritten signature or mark.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đối với các bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng để hoàn thành bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.134.887.646	242.493.686
Tiền gửi ngân hàng	15.663.661.818	9.251.941.695
Các khoản tương đương tiền	527.800.000.000	192.300.000.000
	<u>544.598.549.464</u>	<u>201.794.435.381</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 10.2% đến 14.5% một năm và được sử dụng để bảo đảm cho các khoản vay tại ngân hàng.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	145.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.765.081.235	826.840.556
Phải thu khác	9.769.130.739	1.967.111.111
	<u>157.534.211.974</u>	<u>2.793.951.667</u>

Phải thu từ Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh thể hiện khoản đặt cọc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án xây dựng chung cư 25 tầng trên diện tích mặt bằng 6,15ha tại phường Phước Long B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó Công ty tham gia góp vốn với tỉ lệ vốn góp là 79,9% giá trị đầu tư dự án.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Chung cư Petroland Quận 2	65.607.332.624	102.275.323.523
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	267.178.132.229	286.638.625.381
Chung cư Mỹ Phú	177.759.929.146	-
Các công trình tư vấn quản lý dự án	5.297.901.117	1.277.948.906
Công cụ dụng cụ chi phí dở dang khác	199.841.229	-
	<u>516.043.136.345</u>	<u>390.191.897.810</u>



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất của Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất của dự án Chung cư Petroland quận 2 và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư của các dự án này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010	3.045.469.782	4.034.159.710	778.869.577	7.858.499.069
Tăng từ hợp nhất	-	951.910.455	203.903.898	1.155.814.353
Tăng trong năm	3.298.236.652	2.223.845.143	1.890.959.403	7.413.041.198
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.961.171.648	-	-	23.961.171.648
Giảm khác - Góp vốn bằng tài sản	-	(951.910.455)	-	(951.910.455)
Tại ngày 31/12/2010	<u>30.304.878.082</u>	<u>6.258.004.853</u>	<u>2.873.732.878</u>	<u>39.436.615.813</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	418.814.956	966.533.893	378.896.423	1.764.245.272
Tăng từ hợp nhất	-	198.314.679	59.054.963	257.369.642
Khấu hao trong năm	1.395.959.696	861.014.081	606.026.280	2.863.000.057
Giảm khác - Góp vốn bằng tài sản	-	(287.556.285)	-	(287.556.285)
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.814.774.652</u>	<u>1.738.306.368</u>	<u>1.043.977.666</u>	<u>4.597.058.686</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	<u>28.490.103.430</u>	<u>4.519.698.485</u>	<u>1.829.755.212</u>	<u>34.839.557.127</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.626.654.826</u>	<u>3.067.625.817</u>	<u>399.973.154</u>	<u>6.094.253.797</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	1.024.000.000	-	1.024.000.000
Tăng từ hợp nhất	-	32.240.000	32.240.000
Tăng trong năm	72.850.097.639	150.528.000	73.000.625.639
Tại ngày 31/12/2010	<u>73.874.097.639</u>	<u>182.768.000</u>	<u>74.056.865.639</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Tăng từ hợp nhất	-	13.433.333	13.433.333
Khấu hao trong năm	-	15.680.003	15.680.003
Tại ngày 31/12/2010	-	<u>29.113.336</u>	<u>29.113.336</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>73.874.097.639</u>	<u>153.654.664</u>	<u>74.027.752.303</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.024.000.000</u>	-	<u>1.024.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án 16 Trương Định	-	141.823.220.535
Dự án đường vành đai 2	5.086.518.075	4.504.406.758
Khu đô thị mới Vũng Tàu	121.871.268.022	17.869.616.693
Dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	-
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	124.477.287.388	-
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	32.194.290.000	-
	<u>319.629.363.485</u>	<u>164.197.243.986</u>

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Tăng trong năm	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.731.898.875</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.530.921.417</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Trích khấu hao trong năm	214.637.976	-	214.637.976
Tại ngày 31/12/2010	<u>214.637.976</u>	<u>-</u>	<u>214.637.976</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.517.260.899</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.316.283.441</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động sản đầu tư là toà nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty con (i)	139.899.150.203	157.325.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	-	157.325.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	139.899.150.203	-
Đầu tư vào công ty liên kết (ii)	-	40.480.000.000
Đầu tư dài hạn khác (iii)	26.250.000.000	15.000.000.000
	<u>166.149.150.203</u>	<u>212.805.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***(i) Đầu tư vào công ty con**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 2 nêu trên, các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú được trình bày theo giá gốc lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 2009.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã mua thêm cổ phần và nâng tỉ lệ sở hữu tại Công ty tương đương với 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang đã trở thành công ty con của Công ty.

(iii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG), với số tiền đầu tư tương đương 7,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (năm 2009: 18,75%). Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2010, Công ty đã thực hiện mua thêm 5.635.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá mua là 10.752 đồng/cổ phần để nâng tỉ lệ sở hữu lên 65,38%. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Công ty với số tiền là 5.014.909.885 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	VND
Nguyên giá	
Tăng do mua công ty con	5.014.909.885
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.014.909.885</u>
Hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm	1.671.636.628
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.671.636.628</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2010	<u><u>3.343.273.257</u></u>

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ký quỹ dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	100.000.000.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	852.189.538	802.189.538
	<u>100.852.189.538</u>	<u>802.189.538</u>

Khoản ký quỹ dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang nộp ứng trước tiền thuê đất cho dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh. Khoản ký quỹ này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ("BaovietBank Hồ Chí Minh") với thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất của Công ty và chịu lãi suất từ 11,7% đến 16,5%/năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.723.489.572	2.679.637.173
Thuế giá trị gia tăng	23.989.476.591	-
Thuế nhà thầu	135.309.474	-
Thuế thu nhập cá nhân	626.027.363	227.043.745
	<u>77.474.303.000</u>	<u>2.906.680.918</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.855.278.840	5.350.000.000
Tiền cọc 10% mua cổ phiếu Petroland	-	4.652.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	199.822.780.203	-
Phải trả Tập đoàn dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.112.499.572	12.748.907
	<u>213.640.558.942</u>	<u>20.864.749.234</u>

Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản vay của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) nhận thanh toán để chuyển nhượng 12.319.633 cổ phần (trị giá 139.235.260.203 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang và 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
VietinBank Hồ Chí Minh	289.660.415.496	-
BaovietBank Hồ Chí Minh	41.961.369.000	-
	<u>331.621.784.496</u>	<u>-</u>

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") ngày 7 tháng 1 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BaovietBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông - Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản vay này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**VND**

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền tại ngày 31/12/2009	93.762.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần)	937.620.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền trong năm	6.238.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	62.380.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền tại ngày 31/12/2010	100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần)	<u>1.000.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0305284081 ngày 8 tháng 5 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 1 nghìn tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	937.620.000.000	28.782.948.052	-	-	966.402.948.052
Lợi nhuận trong năm	-	12.763.583.679	-	-	12.763.583.679
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	(1.439.147.403)	1.439.147.403	-	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	(1.439.147.403)	-	1.439.147.403	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.317.442.208)	-	-	(4.317.442.208)
Số dư tại ngày 31/12/2009 như đã báo cáo trước đây	937.620.000.000	34.350.794.717	1.439.147.403	1.439.147.403	974.849.089.523
Trình bày lại (Thuyết minh số 4)	-	11.323.823.025	-	-	11.323.823.025
Số dư tại ngày 31/12/2009 như trình bày lại	937.620.000.000	45.674.617.742	1.439.147.403	1.439.147.403	986.172.912.548
Vốn góp	62.380.000.000	-	-	-	62.380.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	175.043.636.146	-	-	175.043.636.146
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	(638.179.184)	638.179.184	-	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	(638.179.184)	-	638.179.184	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.275.192.726)	-	-	(2.275.192.726)
Số dư tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	217.166.702.794	2.077.326.587	2.077.326.587	1.221.321.355.968

Trong năm, Công ty mẹ đã trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền lần lượt là 638.179.184 đồng, 638.179.184 đồng và 1.914.537.552 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 380/NQ-Petroland ngày 25 tháng 3 năm 2010. Đồng thời, Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú cũng tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm là 400.000.000 đồng.



Handwritten signature or initials in blue ink.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên cổ đông	Theo chứng nhận		Vốn đã góp tại	
	đăng ký kinh doanh		31/12/2010	31/12/2009
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	284.484.000.000	28,44	303.992.400.000	284.484.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	100.000.000.000	10,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	90.000.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	85.000.000.000	8,50	85.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80.000.000.000	8,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	5.516.000.000	0,55	5.294.000.000	5.516.000.000

22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	300.000.000.000	196.150.000.000	103.850.000.000	65,38
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	90,16
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	1.500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	66,67

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Tổng
Tổng tài sản	445.533.926.225	254.122.497.914	254.385.962.309	954.042.386.448
Tổng nợ phải trả	(145.128.174.510)	(76.078.679.042)	(252.881.943.640)	(474.088.797.192)
Tài sản thuần	300.405.751.715	178.043.818.872	1.504.018.669	479.953.589.256
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn cổ phần	300.000.000.000	174.488.000.000	1.500.000.000	475.988.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	405.751.715	3.555.818.872	4.018.669	3.965.589.256
Lợi ích của cổ đông thiểu số				
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	103.850.000.000	17.163.000.000	500.000.000	121.513.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	140.457.719	349.757.687	1.339.556	491.554.962
Tổng	103.990.457.719	17.512.757.687	501.339.556	122.004.554.962



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Tổng
Lợi nhuận trong kỳ/ năm	1.594.724.264	3.955.818.872	4.018.669	4.597.851.878
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>552.040.383</u>	<u>389.102.513</u>	<u>1.339.556</u>	<u>942.482.452</u>

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010 VND	2009 (Trình bày lại) VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	926.332.561.187	42.264.659.774
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	681.401.308.629	42.264.659.774
- Dự án Chung cư Mỹ Phú Quận 7	70.455.164.640	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	174.476.087.918	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.267.465.453	5.422.909.090
	<u>934.600.026.640</u>	<u>47.687.568.864</u>

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010 VND	2009 (Trình bày lại) VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	691.906.549.121	30.940.836.749
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	516.169.907.232	30.940.836.749
- Dự án Chung cư Mỹ Phú Quận 7	62.344.745.775	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	113.391.896.114	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.839.459.160	4.734.341.220
	<u>698.746.008.281</u>	<u>35.675.177.969</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn	33.542.965.257	35.294.208.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia	900.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động tài chính khác	3.742.693.019	-
	<u>38.185.658.276</u>	<u>35.294.208.507</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.756.595.623	11.986.333.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	435.480.736	403.987.387
Chi phí vật liệu quản lý	120.087.661	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.278.380.597	1.159.062.722
Thuế, phí và lệ phí	159.958.747	85.397.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.447.730.050	4.195.119.157
Chi phí bằng tiền khác	4.985.212.603	850.231.830
Kinh phí đào tạo	18.467.272	-
Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư	96.793.335	759.112.231
	28.298.706.624	19.439.243.973

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VND	2009 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	236.802.690.880	26.767.043.877
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(900.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.530.720.182	862.546.237
Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất	1.967.621.497	-
Thu nhập chịu thuế	239.401.032.559	27.629.590.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%	59.850.258.140	4.076.441.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 2% cho số tiền nhận trước từ khách hàng	-	2.216.382.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(3.613.187.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2009	1.279.487.841	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61.129.745.981	2.679.637.173

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	175.043.636.146	24.087.406.704
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.461.863	93.762.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.778	257



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản đang thực hiện chưa hoàn thành. Chi tiết số vốn đã cam kết và sẽ được thanh toán trong tương lai như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Dự án "Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng"	279.744.406.627	159.647.556.917
Dự án "Chung cư Petroland Quận 2"	102.035.371.777	-
	381.779.778.404	159.647.556.917

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	536.142.469	481.128.241
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.978.974.014	991.799.186

Công ty có các số dư sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ủy thác đầu tư và ủy thác quản lý vốn		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	-	20.000.000.000
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	21.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.006.432	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	101.850.000	2.646.700.000
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	199.822.780.203	-

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2011, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang đã ra nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ-PVIN về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng tương đương với số tiền 139.235.260.203 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVCSSG). Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, quyền kiểm soát của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng chỉ có tính chất tạm thời.

Cũng theo nghị quyết này thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn chịu trách nhiệm tiếp nhận nợ gốc, lãi vay của khoản vay trị giá 139.235.260.203 đồng (như đã nêu tại thuyết minh số 19) và trả đến cả gốc và lãi trực tiếp cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.



Bùi Minh Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng